

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH T

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16- 4- 2024

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L - TỈNH T

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Thiệu; Bà Nguyễn Thị Vân Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà Giang- Thư ký Toà án nhân dân huyện L, tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh T tham gia phiên tòa: Ông Phạm Mạnh Hùng- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 193/2023/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2023, về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị H T M, sinh năm 1979

2- Bị đơn: Anh Đ C L, sinh năm 1975

Đều có địa chỉ: khu T, xã S, huyện L, tỉnh T.

(Chị M có đơn xin xét xử vắng mặt, anh L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Về quan hệ hôn nhân:

+ Tại đơn khởi kiện ngày 18/10/2023 và tại bản tự khai ngày 27/10/2023 nguyên đơn là chị H T M trình bày: Chị và anh Đ C L tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 18/10/2000 tại UBND xã S, huyện L, tỉnh T. Quá trình chung sống thời gian đầu tình cảm vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, anh L thường xuyên đánh, chửi chị M, làm cuộc sống hôn nhân ngày càng căng thẳng. do mâu thuẫn của vợ chồng không khắc phục được. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

- Về con chung: Anh L, chị M có 02 con chung là Đình Quốc Vương, sinh ngày 01/9/2001 và Đình Xuân Hải, sinh ngày 17/3/2010. Quá trình giải quyết chị M xin được nuôi con chung là cháu Đình Xuân Hải, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung, cháu Đình Quốc Vương đã trưởng thành nên chị M không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung; Về nghĩa vụ chung về tài sản; Về công sức: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, Toà án nhân dân huyện L đã triệu tập bị đơn là anh Đ C L nhiều lần nhưng anh L mặc dù đã được gia đình giao các văn bản tố tụng của Tòa án và thông tin về việc Toà án nhân dân huyện L báo anh đến làm việc nhưng anh L không đến Toà án làm việc, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Toà án nhân dân huyện L đã tiến hành làm việc và lấy lời khai của Đ C Thi là bố đẻ của anh L. Ông Thi trình bày như sau: Anh Đ C L và chị H T M có mâu thuẫn với nhau cách đây khoảng hai năm, nhưng nguyên nhân tại sao anh chị lại mâu thuẫn thì ông không rõ vì cách đây hai năm anh, chị đi làm ăn ở Hà Nội nhưng lại không ở gần nhau nên xảy ra mâu thuẫn, cãi, chửi nhau. Anh L vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình bằng điện thoại và thi thoảng anh vẫn về nhà thăm gia đình còn địa chỉ cụ thể anh làm ở đâu thì ông không biết địa chỉ, ông chỉ biết anh L làm ở Hà Nội. Các văn bản tố tụng của Toà án gửi cho anh L, gia đình ông đã nhận được và đã thông báo cho anh L biết, tuy nhiên do anh L bận công việc nên không về được và ông cam kết sẽ tiếp tục nhận các văn bản của Toà án và sẽ thông báo để anh L biết. Nay chị M xin ly hôn ông đề nghị Toà án hoà giải để cho anh L và chị M về đoàn tụ với nhau nhưng nếu chị M vẫn cương quyết xin ly hôn thì đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện, chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Chị M có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải về quan hệ hôn nhân giữa chị và anh L và có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 70 và khoản 1, 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Đ C L, đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quy định tại khoản 15, 16 Điều 70; Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà anh L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt anh L và chị M theo quy định của pháp luật.

- Về giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị H T M được ly hôn anh Đ C L.

- Về con chung: Giao cho chị H T M trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đình Xuân Hải, sinh ngày 17/3/2010, kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được. Anh Đ C L không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị M không yêu cầu.

Anh L được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị H T M, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, lời khai của nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự: Tranh chấp giữa chị H T M và anh Đ C L là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”. Bị đơn anh L có hộ khẩu thường trú tại xã S, huyện L, tỉnh T. Do vậy, việc thụ lý và giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh T, là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị H T M có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải về quan hệ hôn nhân và có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 70 và khoản 1, 2 Điều 227 của bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Đ C L, đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quy định tại khoản 15, 16 Điều 70; Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà anh L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt của anh L và chị M theo quy định của pháp luật.

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị H T M và anh Đ C L đảm bảo các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên đó là hôn nhân hợp pháp. Kết quả thu thập chứng cứ tại địa phương cho thấy: “Chị M và anh L, đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện L ngày 18/10/2020. Quá trình chung sống của chị M và anh L thời gian đầu hoà thuận, hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn thì địa phương không nắm rõ vì anh, chị không yêu cầu chính quyền địa phương hoà giải mâu thuẫn của vợ chồng. Nay chị M xin ly hôn đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật ”.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Hiện nay chị H T M và anh Đ C L sống ly thân mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Điều này chính tỏ hôn nhân giữa chị M và anh L không còn tồn tại trên thực tế, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị M xin ly hôn anh L là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, hiện nay cháu Đình Quốc Vương đã trưởng thành, lao động tự túc được nên không đặt ra giải quyết. Cháu Đình Xuân Hải còn nhỏ và đang sống cùng chị M. Anh Đ C L trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, anh L đều vắng mặt không có lý do nên không lấy được ý kiến của anh L về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn. Do đó, cần giao con chung là Đình Xuân Hải cho chị H T M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3]. Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Quá trình giải quyết chị H T M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị H T M sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị H T M được ly hôn anh Đ C L.

[2]. Về con chung: Giao cho chị H T M trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đinh Xuân Hải, sinh ngày 17/3/2010 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được. Anh Đ C L không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị M không yêu cầu.

Anh L được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3]. Về án phí: Chị H T M được miễn án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự đều vắng mặt được quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao nhận hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh T;
- VKSND huyện L;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã S;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Thị Thảo

